



láo zuò

劳作

verb/noun · manual labor, to work hard

Example Sentences

nóng mín zài tián lǐ láo zuò

农民在田里劳作。

Farmers are working in the fields.

tā měi tiān zǎo qǐ láo zuò

他每天早起劳作。

He gets up early every day to do manual labor.

jīng guò yī tiān de láo zuò tā gǎn dào fēi cháng pí bèi

经过一天的劳作，他感到非常疲惫。

After a day of hard work, he felt very exhausted.

Trace each character, then write the word on your own.

劳	劳	劳	劳	劳	劳	劳	劳	劳	劳
作	作	作	作	作	作	作	作	作	作